ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh đã ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng ủy thác và các phụ lục hợp đồng ủy thác đã ký giữa cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ký hợp đồng ủy thác và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung hằng năm và giai đoạn (tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay các chương trình tín dụng chính sách, được trích hằng năm để bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định tại Quy chế này và nguồn vốn khác (nếu có) theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phần chênh lệch Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo hợp đồng vay vốn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được vay vốn, tuy nhiên phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Điều 5. Quy trình xây dựng kế hoạch nguồn vốn, chuyển nguồn vốn, phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Hằng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh căn cứ kết quả thực hiện cho vay, nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, khả năng sử dụng và thu hồi nguồn vốn ủy thác, báo cáo tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm, số vốn dự kiến thu hồi trong năm tiếp theo và đề xuất nhu cầu vốn ngân sách tỉnh ủy thác năm tiếp theo (chi tiết theo từng chương trình tín dụng chính sách), gửi Sở Tài chính tổng hợp. Trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quy trình chuyển nguồn vốn

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền và hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Phân bổ nguồn vốn

a) Căn cứ nguồn vốn địa phương ủy thác được bổ sung, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phân bổ nguồn vốn ủy thác theo quy định;

b) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm cho các đối tượng vay theo đúng quyết định phân bổ nguồn vốn đã được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Đối tượng cho vay

1. Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có)

2. Thứ tự ưu tiên cho vay các đối tượng nói trên căn cứ theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và Quyết định phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn đã được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn

Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có) và quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ đối với từng chương trình cho vay, đối tượng cho vay cụ thể.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương trình tín dụng chính sách.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ, điều kiện vay vốn và tổ chức cho vay đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng quy định.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện quản lý, hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và thực hiện quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Thực hiện trích lập và quản lý dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh trên tổng dư nợ thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay *(không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh)*.

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân, mức phí quản lý là 0,43%/tháng. Trường hợp mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ cao hơn mức 0,43%/tháng thì thực hiện theo mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao. Trường hợp tiền lãi thu được sau khi trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định thì ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu theo quy định của pháp luật.

3. Trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp; kiểm tra, giám sát; khen thưởng các tập thể, cá nhân của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, của cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp đối với các hoạt động có liên quan đến cho vay bằng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương, cụ thể:

a) Trích tối đa không quá 10% lãi thu được cho Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp (thông qua cơ quan thường trực là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp.

b) Trích tối đa không quá 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và chi cho các hoạt động khác liên quan đến cho vay bằng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương và tỷ lệ được hưởng của các cơ quan, đơn vị, như sau:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 1%;

Sở Tài chính 2%;

Sở Nông nghiệp và Môi trường 1%;

Sở Nội vụ 1%.

c) Trường hợp các cơ quan, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng kinh phí được trích, căn cứ báo cáo quyết toán của đơn vị gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các đơn vị thực hiện chuyển phần kinh phí còn dư sau quyết toán bổ sung vào nguồn vốn cho vay ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

5. Nội dung chi và mức chi

Nội dung chi và mức chi tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xử lý nợ bị rủi ro.

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, phân tích, phân loại các khoản nợ bị rủi ro; kiểm tra hồ sơ, chứng từ và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro; có văn bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro gửi Sở Tài chính kèm theo hồ sơ có liên quan để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

b) Trên cơ sở hồ sơ và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng Chính sách xã hội trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

6. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế của các khoản vay bị rủi ro, trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

7. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa thì phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất; báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính; đồng thời thực hiện các báo cáo phục vụ công tác quản lý, theo dõi nguồn vốn cụ thể như sau:

a) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác 06 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm, nhu cầu vay vốn năm sau: trước ngày 10 tháng 7 hằng năm.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cả năm: trước ngày 10 tháng 01 năm sau.

c) Báo cáo về hạch toán phân bổ lãi cho vay thu được hằng quý: trước ngày 10 của tháng đầu quý sau.

d) Báo cáo phân bổ lãi thu được cả năm: trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

Các báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện cho vay các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

a) Báo cáo 06 tháng: trước ngày 30 tháng 7 hằng năm.

b) Báo cáo năm: Trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Căn cứ chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình mục tiêu khác, có định hướng về nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Trên cơ sở nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quyết định phân bổ, điều chỉnh nguồn vốn theo quy định.

c) Chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

d) Thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc tham mưu, đề xuất bổ sung, chỉnh sửa cơ chế chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở nhu cầu vốn do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp, đề xuất và khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định.

b) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định.

c) Ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; thực hiện kiểm tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác theo quy định.

d) Trên cơ sở hồ sơ và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

đ) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy chế này.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Tổ chức quản lý nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác; thực hiện cho vay đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng quy định và theo quyết định phân bổ nguồn vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác.

b) Ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính; thực hiện hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác theo quy định.

c) Tham mưu Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện phân bổ, điều chỉnh nguồn vốn cho vay các chương trình tín dụng chính sách trên cơ sở nhu cầu thực tế của các đối tượng thụ hưởng và tình hình thực hiện tại địa phương theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn; đề xuất nhu cầu nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

đ) Chủ trì tổng hợp, phân tích, phân loại các khoản nợ bị rủi ro; kiểm tra hồ sơ, chứng từ và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro; có văn bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro gửi Sở Tài chính kèm theo hồ sơ có liên quan để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

e) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan trong việc rà soát, xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

g) Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách xã hội, bảo đảm thực hiện đúng quy định.

h) Công khai các quy định về chương trình tín dụng chính sách từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác tại trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, điểm giao dịch xã và các hình thức công khai khác theo quy định.

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, định kỳ trả nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương

trình tín dụng chính sách. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

k) Quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí được giao quản lý từ phân phối lãi cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

l) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

m) Phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tổng hợp danh sách tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội; đề xuất việc khen thưởng và tổ chức thực hiện khen thưởng từ nguồn kinh phí được phân phối từ lãi cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác theo quy định của pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, trong đó có chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu cấp thẩm quyền về cơ chế, chính sách cụ thể về tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

c) Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

d) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra nguồn ngân sách tỉnh ủy thác để cho vay thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

e) Phối hợp với Sở Tài chính có ý kiến đối với hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Tài chính có ý kiến đối với hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả cho vay tạo việc làm cho người lao động trong và ngoài nước trên địa bàn theo định kỳ 6 tháng và hàng năm, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

d) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh rà soát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của người dân trên địa bàn; công khai thông tin về chương trình tín dụng chính sách tại trụ sở UBND cấp xã, điểm giao dịch xã và trên hệ thống thông tin cơ sở; phối hợp xác nhận, cập nhật biến động đối tượng vay; tham gia kiểm tra sau vay theo đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp tuyên truyền, vận động người vay sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng hạn.

8. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả tiền gốc, tiền lãi đúng quy định.

d) Chấp hành các quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội khi tham gia vay vốn.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 101 /2026/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 19/8/2025;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 360/TTr-STC ngày 19 tháng 8 năm 2026 và Công văn số 9472/STC-QLDN ngày 04 tháng 9 năm 2026 về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 / 9 /2026 và bãi bỏ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để b/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp (để đăng CSDL VBQPPL);
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT (Htam).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo